

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN HẢI
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-ST

Ngày: 18-11-2019

*“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất ”
và “yêu cầu bồi thường thiệt hại về
tài sản trên đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Sanh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Võ Hồng Phú

Bà: Lê Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Mỹ Nga-Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 10 và 18 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 04 năm 2018 về việc: *“Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị L, sinh năm 1929 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Thiên Tuế, xã Lại Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị đơn:** Ông Trần Văn T, sinh năm: 1980 (có đơn xin vắng mặt);

Và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Thiên Tuế, xã lại Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN THẤY:

** Theo đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý, nguyên đơn xác định nội dung vụ kiện như sau:*

Nguyên trước đây bà Ngô Thị L có mua một phần đất của ông Huỳnh Ngọc Nhẫn tại ấp Thiên Tuế, xã Lại Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang với chiều ngang 10m, chiều dài 20m, diện tích 200m² đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Kiên Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSD) số: AB 056455 ngày 13/01/2005. Năm 2008, bà L mua thêm của ông Huỳnh Văn B phần đất giáp ranh có chiều ngang 01m, dài 20m, diện tích 20m² với giá là 700.000đ hai bên có làm giấy viết tay. Ngày 11/10/2003, bà L mua của ông Trần Văn S và bà Huỳnh Thị Ng (nay đã chết) phần đất giáp ranh chiều ngang 4m7,

dài 10m, diện tích 47m² hai bên có làm giấy tay. Năm 2005, bà Lòi tiếp tục mua của bà Huỳnh Thị Ng phần đất chiều ngang 2m, dài 12m, diện tích đất 24m² với giá 800.000đ hai bên có làm giấy tờ nhưng hiện nay không rõ ở đâu. Đến năm 2012, ông Trần Văn T là con của ông Trần Văn S và bà Huỳnh Thị Ng đã bao chiếm, trồng cây trên phần đất Bà L mua để làm đường đi, chặt phá cây thuốc nam giá trị: 200.000đ bà L trồng hai bên đường đi trong phần đất 24m². Ngoài ra, ông T còn lấn chiếm phần đất chiều ngang 0,7m, chiều dài 10m giáp đất ông Trần Văn T và chặt một cây dầu có giá trị: 5.000.000đ trên phần đất lấn chiếm của bà để sử dụng. Bà L cho rằng có mua 30 khối đất, thuê người đắp lên trên phần đất của ông T để trồng thuốc nam được ông T đồng ý với số tiền bằng: 45.000.000đ.

Từ sự việc trên, bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn T trả lại phần đất chiều ngang 2m, dài 12m, diện tích đất 24m² của Bà L đã mua để làm đường đi; Trả lại bà L phần đất ngang 0,7m, dài 10m, diện tích 7m² giáp đất ông T. Đồng thời, bà L yêu cầu bồi thường giá trị cây thuốc nam đã chặt bằng: 200.000đ; Bồi thường giá trị cây dầu ông T đã chặt là: 5.000.000đ; Bồi thường tiền đất bà L đã đổ lên để trồng cây thuốc nam là: 30m³ x 1.500.00đ bằng: 45.000.000đ. Tại phiên hòa giải, qua giải thích pháp luật bà L khẳng định không làm lại đơn khởi kiện bổ sung, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo thông báo số: 12A/TB-TA ngày 30/8/2019; Không tạm nộp án phí bổ sung về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất theo thông báo (Lần II) số: 26B/TB-TA ngày 30/8/2019. Không làm đơn xin miễn tạm nộp án phí theo qui định tại Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

* Bị đơn: vợ chồng ông Trần Văn T cho rằng bà Ngô Thị L có phần đất giáp ranh. Phần đất bà L nằm sâu vào giữa phần đất của gia đình ông T, trong nhiều năm sử dụng gia đình ông T có tạo điều kiện để bà Lòi có đường đi ra tiếp giáp lộ nông thôn. Cụ thể: phần đất chiều ngang 2m, chiều dài 12m là bà L mượn của ông T để làm đường đi, lúc đầu ông T không đồng ý nhưng sau đó nghĩ bà L không có đường đi nên cho bà L đi nhờ. Tuy nhiên, khoảng một năm sau phía bà L nói với mọi người rằng phần đất này bà L mua rồi. Nghe được sự việc trên ông T có mời bà L hỏi sự việc thì bà L nói mua của mẹ ông T. Do quá bức tức nên ông T đã chặt cây cối trên đường đi cho bà L mượn. Bởi vì, lúc mẹ ông T còn sống nếu bán thì anh chị em ông phải biết, hơn nữa việc mua bán bà L chỉ đưa ra được giấy phô tô là không thể chấp nhận. Đối với Cây dầu mà bà L nói là anh rể của ông T đã chặt cách đây hơn 7 năm, hiện nay anh rể đã chết, cây dầu đó nằm trên phần đất của ông nên ông không thể lấn đất của bà L chiều ngang 0,7m, chiều dài 10m, diện tích 7m² như bà đã nói. Đối với việc bà L xin đổ đất để trồng cây thuốc nam trên đất ông T là không có. Phần đất chiều ngang 2m, dài 12m, ông T chỉ cho bà L mượn đi thôi chứ không phải đất của bà L. Mặc khác, ông T có làm đường đi cho phía bà L đi chung chiều ngang 1m dài đến lộ nông thôn hướng lên núi, từ nhà bà Lòi ra lộ.

Từ sự việc trên, vợ chồng ông T đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bà L vì phần đất chiều ngang 2m, dài 12m, diện tích đất 24m² là của vợ chồng ông T cho bà L mượn làm đường đi; Vợ chồng ông T không lấn phần đất ngang 0,7m, dài 10m, diện tích 7m² của bà L giáp ranh. Đồng thời, vợ chồng ông T không chặt cây dầu giá trị: 5.000.000đ và bà L thật sự không đổ đất để trồng cây thuốc nam là: 30m³ x 1.500.00đ bằng 45.000.000đ. Ngoài ra, bị đơn không thực hiện phản tố theo thông báo số: 12/TB-TA ngày 21/8/2019 của Tòa án cũng như các yêu cầu khác.

Tại phiên tòa trong các ngày 28 tháng 10 và 18 tháng 11 năm 2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự có ý kiến, yêu cầu như sau:

Các bên đương sự thống nhất chọn Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE tháng 11/2016 là đơn vị định giá và lấy kết quả chứng thư thẩm định giá số: 7716.089/CT-BTCVALUE của Công ty cùng biên bản đo đạc thực tế của Tòa án ngày 10/5/2016 làm căn cứ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như sau:

Nguyên đơn: bà L khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn T trả lại diện tích đất chiều ngang 2m, dài 12m, diện tích đất 24m² của bà L đã mua để làm đường đi; Trả lại bà L phần đất ngang 0,7m, dài 10m, diện tích 7m² giáp đất ông T. Đồng thời, bà L yêu cầu bồi thường giá trị cây thuốc nam đã chặt bằng 200.000đ; Bồi thường giá trị cây dầu ông T đã chặt là: 5.000.000đ; Bồi thường tiền đất bà L đã đổ lên để trồng cây thuốc nam là: 30m³ x 1.500.00đ bằng 45.000.000đ. Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, qua giải thích bà L khẳng định không làm lại đơn khởi kiện bổ sung, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo thông báo số: 12A/TB-TA ngày 30/8/2019; Không tạm nộp án phí bổ sung về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất theo thông báo (Lần II) số: 26B/TB-TA ngày 30/8/2019. Không làm đơn xin miễn tạm nộp án phí theo qui định tại Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị đơn: vợ chồng ông T tại phiên tòa ngày 28 tháng 10 năm 2019 đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu của bà L vì phần đất ngang 2m, dài 12m, diện tích đất 24m² là của vợ chồng ông T cho bà L mượn làm đường đi; Vợ chồng ông T không lấn phần đất ngang 0,7m, dài 10m, diện tích 7m² của bà L giáp ranh. Đồng thời, vợ chồng ông T không chặt cây dầu giá trị: 5.000.000đ và bà L thật sự không đổ đất để trồng cây thuốc nam là: 30m³ x 1.500.00đ bằng 45.000.000đ. Ngoài ra, bị đơn không phản tố theo thông báo số: 12/TB-TA ngày 21/8/2019 của Tòa án cũng như các yêu cầu khác.

Tại phiên tòa, sau phần tranh luận của các đương sự; Kiểm sát viên cho rằng kể từ ngày thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, các đương sự, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án vẫn còn để vụ kiện kéo dài quá hạn luật định. Về đường lối giải quyết vụ

án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu của bà L về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất; Giữ nguyên hiện trạng phần đất bà L đang sử dụng theo biên bản đo đạc thực tế của Tòa án ngày 10/5/2016;

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa – Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định;

[1] Về thủ tục: ông Trần Văn T và bà Huỳnh Thị Ng là bị đơn, trong ngày 18 tháng 11 năm 2019 có đơn xin vắng mặt nên sau khi xem xét Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo qui định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Trong vụ án này, Tòa án thụ lý và xem xét yêu cầu của bà L là đúng thẩm quyền và phù hợp với qui định pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, cũng như qua phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải các bên đã khẳng định yêu cầu của mình. Từ đó, cho thấy vụ kiện không có yêu cầu phản tố. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện: “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất” được qui định tại Điều 166 Luật đất đai 2013 và các Điều: 256 và 688 Bộ luật dân sự 2005;

[2] Về nội dung: Qua thẩm vấn các đương sự tại phiên tòa, sau khi đối chiếu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Hội đồng xét xử thấy rằng bà L trước đây có sang nhượng đất của ông Huỳnh Ngọc Nh tại ấp Thiên Tuế, xã Lại Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang với chiều ngang 10m, chiều dài 20m, đã được UBND huyện Kiên Hải cấp GCNQSDĐ số: AB 056455 ngày 13/01/2005, diện tích 200m². Tuy nhiên, đối với các phần đất mua thêm bà Lờì thừa nhận hai bên chỉ làm giấy viết tay và chỉ là giấy phô tô gồm: mua thêm phần đất giáp ranh của ông Huỳnh Văn B năm 2008, chiều ngang 01m, chiều dài 20m, diện tích 20m² với giá là 700.000đ; mua của ông Trần Văn S, bà Huỳnh Thị Ng phần đất chiều ngang 4m7, dài 10m, diện tích 47m² vào ngày 11/10/ 2003; mua của bà Huỳnh Thị Ng phần đất chiều ngang 2m, dài 12m, diện tích đất 24m² vào năm 2005 với giá 800.000đ. Toàn bộ các phần đất này chưa thực hiện việc chuyển quyền theo qui định pháp luật. Đồng thời, trong suốt quá trình tố tụng bà không cung cấp được giấy mua bán bản chính. Mặt khác, qua thẩm tra, xác minh và công bố lời khai của những người làm chứng gồm: ông Đặng Tùng Long, ông Huỳnh Văn Cồn (BL: 184,188,189) thấy rằng việc mua thêm đất này đúng như bà Lờì thừa nhận. Riêng ông Đặng Văn Minh nguyên là chủ tịch UBND xã Lại Sơn trước đây khai rằng chưa từng xác nhận việc mua đất giữa bà L và bà Ng, hơn nữa nếu có thì ông Minh phải ghi lời phê trước khi ký (BL:207,208). Do vậy, để làm rõ sự việc sau khi Tòa án xuống tại vị trí đất tranh chấp, tính cả phần đất bà Lờì mua thêm, qua

xem xét, đối chiếu lại với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/5/2016 cho thấy ông Tám không có hành vi lấn đất của bà L, phần đất bà L vẫn còn nguyên hiện trạng, phía ông T còn cho bà đi nhờ qua đất nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà L về đòi lại đất là không có cơ sở;

[3] Đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất của bà L sau khi xem xét cho thấy vào năm 2012, do qua bức xúc ông Trần Văn T có chặt phá cây thuốc nam giá trị: 200.000đ bà L trồng hai bên đường đi trong phần đất 24m². Đồng thời, sau khi Tòa án tiến hành xem xét, đối chiếu lại với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/5/2016 tại vị trí đất tranh chấp cho thấy Cây dầu có giá trị: 5.000.000đ không còn vết tích gốc cây, những người làm chứng cho rằng cây đã chặt cách đây trên bảy năm và không nằm trên phần đất của bà L. Hơn nữa, phần yêu cầu này bà L đã rút lại tại phiên tòa phúc thẩm theo bản án số: 131/ 2017/DS-PT ngày 09/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang. Đối với yêu cầu của bà L cho rằng có mua 30 khối đất, thuê người đắp lên trên phần đất của ông T để trồng thuốc nam với số tiền bằng: 45.000.000đ, sau khi Tòa án tiến hành thẩm tra, xác minh và lấy lời khai của những người làm chứng cho thấy sự việc là không có thật và phía bà L không cung cấp được tên và địa chỉ ba người bà thuê đắp đất; Không tạm nộp án phí bổ sung về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất theo thông báo (Lần II) số: 26B/TB-TA ngày 30/8/2019 của Tòa án. Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lẽ ra bà L phải làm đơn xin miễn tạm nộp án phí theo qui định tại Điều 14 nhưng xét trên thực tế hiện bà L sinh năm 1929, là người cao tuổi đồng thời bà vẫn có nguyện vọng được miễn án phí theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được miễn tạm nộp án phí, án phí. Thế nhưng, trong suốt quá trình tố tụng bà L lại không cung cấp tài liệu chứng cứ theo thông báo số: 12A/TB-TA ngày 30/8/2019 nên sau khi xem xét Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của bà L cũng không đủ căn cứ;

[4] Tại phiên tòa trong các ngày 28 tháng 10 và 18 tháng 11 năm 2019, qua công bố lời khai của những người làm chứng là ông Đặng Tùng Long, ông Huỳnh Văn Cồn và ông Đặng Văn Minh nguyên là chủ tịch UBND xã Lại Sơn ; qua phần tranh luận của các đương sự, sau khi nghe ý kiến và lời đề nghị của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử xét thấy toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu về bồi thường thiệt hại là không có căn cứ bởi vì bà L không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ của người khởi kiện theo qui định tại Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự; không cung cấp được tài liệu, chứng cứ và ông T cũng không có hành vi lấn đất của bà L nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Đối với chi phí đo đạc và thẩm định giá làm căn cứ giải quyết vụ án. Tại phiên tòa các đương sự yêu cầu giải quyết theo qui định pháp luật nên sau khi xem xét Hội đồng xét xử xét thấy bà Ngô Thị L phải tự chịu toàn bộ chi phí tố tụng này bằng: 6.507.000đ (Sáu triệu năm trăm lẻ bảy ngàn đồng). Trong đó: chi

phí đo đạc bằng: 4.757.000đ (Bốn triệu bảy trăm năm bảy ngàn đồng) và chi phí thẩm định giá bằng: 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng),

[6] Về án phí: áp dụng Điều 12, 14, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 xét thấy yêu cầu của bà Ngô Thị L không được chấp nhận. Lẽ ra, bà L phải chịu án phí dân sự không giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) và án phí có giá ngạch là 2.260.000đ. Tuy nhiên xét thấy bà L là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí được Hội đồng xét xử chấp nhận do đó bà L không phải nộp các khoản án phí nêu trên và trả lại cho bà L số tiền án phí đã nộp bằng: 480.000đ (Bốn trăm tám mươi ngàn đồng) trong biên lai thu số 02679 ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, 35, 147, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng Điều 256, 688 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Áp dụng Điều 203 Luật đất đai 2013;
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Ngô Thị L về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu về bồi thường thiệt hại tài sản trên đất;

* Giữ nguyên hiện trạng phần đất của bà Ngô Thị L theo biên bản đo đạc của Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang ngày 10 tháng 5 năm 2016. Vị trí đất được xác định tại các điểm 1-2-3-5-8-9-12-4-1 theo tờ trích đo địa chính số: TĐ 151-2016 ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Kiên Hải với diện tích bằng 200m². Cụ thể số đo các cạnh như sau:

- Chiều ngang cạnh 1-2 bằng 10m giáp đất ông Trần Văn T;
- Chiều ngang cạnh 9-12 bằng 10m giáp đất bà Trần Thị Út;
- Chiều dài cạnh 1-4 bằng 0,7m; Cạnh 4-12 bằng 19,3m giáp đất ông Huỳnh Văn Tài;
- Chiều dài cạnh 2-3 bằng 0,7m; Cạnh 3-5 bằng 6m; cạnh 5-8 bằng 2m; Cạnh 8-9 bằng 11,3m giáp đất ông Trần Văn T;

* Về chi phí tố tụng: bà Ngô Thị L tự chịu toàn bộ chi phí tố tụng bằng: 6.507.000đ (Sáu triệu năm trăm lẻ bảy ngàn đồng). Trong đó: chi phí đo đạc bằng: 4.757.000đ và chi phí thẩm định giá bằng: 1.750.000đ.

* Về án phí: Lẽ ra, bà L phải chịu án phí dân sự không giá ngạch là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) và án phí có giá ngạch là 2.260.000đ. Tuy nhiên xét thấy bà L là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí được Hội đồng xét xử chấp nhận do đó bà L không phải nộp các khoản án phí nêu trên.

Trả lại cho bà L số tiền án phí đã tạm nộp bằng: 480.000đ (Bốn trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 02679 ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Hải.

* Báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (18/11/2019); Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hợp lệ theo qui định pháp luật;

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7, 7a,7b Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Hải;
- Chi cục THADS Kiên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Phạm Sanh Hiền